

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**  
**ÁP DỤNG TỪ KHÓA: 17 - 18**

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo quyết định số: 528/QĐ-CĐCĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang).*

**Tên ngành, nghề: Kỹ thuật xây dựng.**

**Mã ngành, nghề: 5580201**

**Trình độ đào tạo:** Trung cấp.

**Loại hình đào tạo:** Chính quy.

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp THCS trở lên.

**Thời gian đào tạo:** 1,5 năm.

### **1. Mục tiêu đào tạo:**

#### **1.1. Mục tiêu chung:**

Đào tạo người học có kiến thức thực tế và lý thuyết cần thiết trong phạm vi của nghề Kỹ thuật xây dựng; kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật và công nghệ thông tin; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề Kỹ thuật xây dựng, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các công việc có tính thường xuyên hoặc phức tạp, làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện biết trước và có thể thay đổi; có tính tự lập cao, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc của nghề Kỹ thuật xây dựng đã được định sẵn; rèn luyện ý chí, lòng yêu nghề, tác phong công nghiệp, luôn biết vươn lên và tự hoàn thiện bản thân.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể:**

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành/ngành “Kỹ thuật xây dựng” trình độ Trung cấp, người học có khả năng:

##### **1.2.1. Kiến thức:**

- Trình bày được các khái niệm, tiêu chuẩn trong vẽ kỹ thuật xây dựng;
- Trình bày được các quy định của bản vẽ thiết kế công trình xây dựng và phương pháp đọc một bản vẽ thiết kế;
- Trình bày được những nội dung cơ bản về 5S trong lĩnh vực của ngành, nghề;
- Trình bày được khái niệm về sinh thái học, hệ sinh thái, ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường; phương thức “xanh hóa” trong kỹ thuật xây dựng;
- Nêu được phương pháp, nguyên tắc, dấu hiệu nhận biết các loại vật liệu xây dựng;
- Trình bày được phương pháp tính toán khối lượng, vật liệu, nhân công và dự toán kinh phí cho các công việc được giao;
- Trình bày được các nội dung cơ bản về kỹ thuật thi công đất, kỹ thuật xây, kỹ thuật hoàn thiện, kỹ thuật thi công cốt pha giàn giáo, kỹ thuật thi công cốt thép, kỹ thuật thi công bê tông: các công việc chủ yếu, yêu cầu kỹ thuật và nghiệm thu;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### **1.2.2. Kỹ năng:**

- Đọc và phát hiện được các lỗi thông thường trong của bản vẽ kỹ thuật, thi công xây dựng;

- Tổ chức thực hiện được các biện pháp bảo vệ môi trường trong cuộc sống và công việc của nghề;

- Tổ chức thực hiện được quy trình 5S trong tổ chức thi công xây dựng;

- Lựa chọn được vật liệu, phương tiện,... theo quy chuẩn công nghệ xây dựng xanh;

- Sử dụng được các loại máy, dụng cụ và một số thiết bị chuyên dùng trong nghề xây dựng;

- Làm được các công việc của nghề kỹ thuật xây dựng như: đào móng, xây gạch, trát, lát, láng, ốp, gia công, lắp dựng và tháo dỡ cốp pha, giàn giáo, gia công lắp đặt cốt thép, trộn đổ đầm bê tông, bả mát tít, sơn vôi, trần tường thạch cao và một số công việc khác: lắp đặt mạng điện sinh hoạt, lắp đặt đường ống cấp, thoát nước trong nhà theo yêu cầu kỹ thuật;

- Xử lý được các sai phạm nhỏ thường gặp trong quá trình thi công.

- Tính toán được khối lượng, vật liệu, nhân công và dự toán kinh phí cho các công việc được giao;

- Nghiệm thu được khối lượng và chất lượng công trình;

- Lập được báo cáo tổng hợp trình cấp trên;

- Phát hiện được một số sai hỏng, sự cố kỹ thuật và có phương án đề xuất xử lý kịp thời;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

- Làm việc độc lập hoặc phối hợp làm việc nhóm trong những điều kiện làm nhất định;

- Hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ như: thi công đất, xây, hoàn thiện, thi công cốt thép, thi công cốp pha - giàn giáo, thi công bê tông khi được phân công;

- Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm;

- Đánh giá hoạt động của nhóm và một phần kết quả thực hiện đã được phân công;

- Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, thẳng thắn.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Thi công đất;

- Thi công nề;
- Hoàn thiện;
- Thi công cốt thép;
- Thi công cấp pha - giàn giáo;
- Thi công bê tông.

#### 1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ:

Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề.

#### 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, môđun: **26** môn học, môđun.
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **60** tín chỉ (1.455 giờ).
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: **255** giờ.
- Khối lượng các môn học, môđun chuyên môn: **1.200** giờ.
- Khối lượng lý thuyết: 386 giờ; Thực hành, thực tập, bài tập: 958 giờ; Kiểm tra:

111 giờ.

#### 3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên Môn học/Môđun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập/ Thực tập	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>12</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
DC1201	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
DC1102	Pháp luật	1	15	9	5	1
DC1103	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
DC1204	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
DC1205	Tin học	2	45	15	29	1
DC1406	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
<b>II</b>	<b>Các môn học/môđun chuyên môn</b>	<b>48</b>	<b>1.200</b>	<b>292</b>	<b>810</b>	<b>98</b>
<i>II.1</i>	<i>Các môn học/môđun cơ sở</i>	<i>6</i>	<i>105</i>	<i>67</i>	<i>30</i>	<i>8</i>
CS41301	Vẽ kỹ thuật	3	60	25	30	5
CS41102	Bảo hộ lao động	1	15	14	0	1
CS41203	Vật liệu xây dựng	2	30	28	0	2

Mã MH/ MD	Tên Môn học/Môđun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập/ Thực tập	Kiểm tra
<b>II.2</b>	<b><i>Các môn học/môđun chuyên môn</i></b>	<b>38</b>	<b>1.005</b>	<b>195</b>	<b>726</b>	<b>84</b>
CN41201	Đào móng	2	45	15	27	3
CN41415	Kỹ thuật Xây gạch 1	4	105	15	78	12
CN41316	Kỹ thuật Xây gạch 2	3	75	15	51	9
CN41204	Lắp đặt cấu kiện loại nhỏ	2	45	15	27	3
CN41417	Kỹ thuật Trát, láng 1	4	105	15	78	12
CN41318	Kỹ thuật Trát, láng 2	3	75	15	51	9
CN41319	Kỹ thuật Lát, ốp	3	75	15	51	9
CN41208	Bạ mát tít, sơn, vôi	2	45	15	27	3
CN41209	Lắp đặt thiết bị vệ sinh	2	45	15	27	3
CN41310	Gia công, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo	3	75	15	51	9
CN41311	Gia công, lắp đặt cốt thép	3	75	15	51	9
CN41220	Công tác bê tông	2	45	15	27	3
TN41105	Thực tập tốt nghiệp	5	195	15	180	0
<b>II.3</b>	<b><i>Các môn học/môđun tự chọn (Chọn tối thiểu 4 tín chỉ)</i></b>	<b>4</b>	<b>90</b>	<b>30</b>	<b>54</b>	<b>6</b>
TC41201	Dự toán công trình	2	45	15	27	3
TC41202	Trắc đạc	2	45	15	27	3
TC41203	Tổ chức thi công	2	45	15	27	3
TC41204	Đóng trần, tường thạch cao	2	45	15	27	3
<b>TỔNG CỘNG:</b>		<b>60</b>	<b>1.455</b>	<b>386</b>	<b>958</b>	<b>111</b>

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP  
ÁP DỤNG CHO KHÓA: 19**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: 575/QĐ-CĐCĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024  
của Hiệu trưởng trường CĐCĐ Hậu Giang)

Tên ngành, nghề: Kỹ thuật xây dựng

Mã ngành, nghề: 5580201

Mã MH/ MĐ	Tên Môn học/Môđun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>11</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
DC1201	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
DC1102	Pháp luật	1	15	9	5	1
DC1103	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
DC1204	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
DC1205	Tin học	2	45	15	29	1
DC1307	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
<b>II</b>	<b>Các môn học/môđun chuyên môn</b>	<b>48</b>	<b>1.200</b>	<b>292</b>	<b>810</b>	<b>98</b>
<b>II.1</b>	<b>Các môn học/môđun cơ sở</b>	<b>6</b>	<b>105</b>	<b>67</b>	<b>30</b>	<b>8</b>
CS41301	Vẽ kỹ thuật	3	60	25	30	5
CS41102	Bảo hộ lao động	1	15	14	0	1
CS41203	Vật liệu xây dựng	2	30	28	0	2
<b>II.2</b>	<b>Các môn học/môđun chuyên môn</b>	<b>38</b>	<b>1.005</b>	<b>195</b>	<b>726</b>	<b>84</b>
CN41201	Đào móng	2	45	15	27	3
CN41415	Kỹ thuật Xây gạch 1	4	105	15	78	12
CN41316	Kỹ thuật Xây gạch 2	3	75	15	51	9

Mã MH/ MĐ	Tên Môn học/Môđun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
CN41204	Lắp đặt cấu kiện loại nhỏ	2	45	15	27	3
CN41417	Kỹ thuật Trát, láng 1	4	105	15	78	12
CN41318	Kỹ thuật Trát, láng 2	3	75	15	51	9
CN41319	Kỹ thuật Lát, ốp	3	75	15	51	9
CN41208	Bạ mát tít, sơn, vôi	2	45	15	27	3
CN41209	Lắp đặt thiết bị vệ sinh	2	45	15	27	3
CN41310	Gia công, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo	3	75	15	51	9
CN41311	Gia công, lắp đặt cốt thép	3	75	15	51	9
CN41220	Công tác bê tông	2	45	15	27	3
TN41105	Thực tập tốt nghiệp	5	195	15	180	0
<b>II.3</b>	<b><i>Các môn học/môđun tự chọn</i></b>	<b>4</b>	<b>90</b>	<b>30</b>	<b>54</b>	<b>6</b>
	<b><i>(Chọn tối thiểu 4 tín chỉ)</i></b>					
TC41201	Dự toán công trình	2	45	15	27	3
TC41202	Trắc đạc	2	45	15	27	3
TC41203	Tổ chức thi công	2	45	15	27	3
TC41204	Đóng trần, tường thạch cao	2	45	15	27	3
<b>TỔNG CỘNG:</b>		<b>59</b>	<b>1.455</b>	<b>386</b>	<b>958</b>	<b>111</b>